

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ

Số: 239 /CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST
Quý II/2023 và 6 tháng 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 15 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty quý II/2023 và 6 tháng 2023 như sau:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý II/2023 và Quý II/2022:

Chỉ tiêu	Quý II/2023	Quý II/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.494	64.912	(19.418)	(29,91)
Các khoản giảm trừ	-	71	(71)	
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	45.494	64.841	(19.347)	(29,84)
Giá vốn hàng bán	45.518	66.586	(21.068)	(31,64)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(24)	(1.745)	1.721	(98,64)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,1	0,5	(0,39)	(78,19)
Chi phí tài chính	8.676	8.889	(213)	(2,39)
Chi phí bán hàng	421	540	(119)	(21,97)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.739	3.267	(527)	(16,14)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(11.860)	(14.440)	2.580	(17,9)
Thu nhập khác	-	178,5	(178)	-
Chi phí khác	23	19	5	-
Lợi nhuận khác	(23)	160	(183)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.884)	(14.280)	2.396	(16,8)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(11.884)	(14.280)	2.396	(16,8)

Lợi nhuận sau thuế quý II/2023 của Công ty lỗ 11.884 triệu đồng giảm lỗ 2.396 triệu đồng so với quý II/2022 (lỗ 14.280 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2023 là: 45.494 triệu đồng giảm so với quý II/2022 (64.841 triệu đồng) là: 29,84% tương ứng với 19.347 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý II/2023 là: 44.599,95 tấn xi măng các loại giảm so với quý II/2022 (68.431,16 tấn) tương đương giảm 34,83%. Giá vốn hàng



bán giảm từ 66.586 triệu đồng của quý II/2022 xuống còn 45.518 triệu đồng 'quý II/2023 (giảm 31,64 % tương ứng giảm 21.068 triệu đồng. Năm 2023, giá một số loại nguyên vật liệu tuy không biến động nhiều so với năm 2022 nhưng do nhu cầu xi măng trên thị trường sụt giảm cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2023 tăng 1.721 triệu đồng.

Chi phí bán hàng của quý II/2023 là: 421 triệu đồng giảm 119 triệu đồng so với quý II/2022(540 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2023 (2.739 triệu đồng) giảm 527 triệu đồng so với quý II/2022 (3.267 triệu đồng).

Chi phí tài chính quý II/2023 giảm 213 triệu đồng so với quý II/2022. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2023 tăng so với quý II/2022 là: 2.580 triệu đồng. Lợi nhuận khác giảm 183 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2023 tăng 2.396 triệu đồng so với quý II/2022.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 6 tháng 2023 và 6 tháng 2022:

Chỉ tiêu	6 tháng 2023	6 tháng 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.992	123.975	(25.983)	(20,96)
Các khoản giảm trừ	-	71	(71)	
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	97.992	123.904	(25.912)	(20,91)
Giá vốn hàng bán	95.512	122.711	(27.199)	(22,17)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	2.480	1.193	1.287	107,95
Doanh thu hoạt động tài chính	0,4	1,4	(1,04)	(74,85)
Chi phí tài chính	16.746	16.635	111	0,67
Chi phí bán hàng	992	1.284	(292)	(22,75)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.840	6.860	(1.019)	(14,86)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21.098)	(23.585)	2.487	(10,5)
Thu nhập khác	-	477,5	(478)	-
Chi phí khác	3.148	43	3.105	-
Lợi nhuận khác	(3.148)	435	(3.583)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.246)	(23.150)	(1.096)	4,7
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.246)	(23.150)	(1.096)	4,7

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2023 của Công ty lỗ 24.246 triệu đồng tăng lỗ 1.096 triệu đồng so với 6 tháng 2022(lỗ 23.150 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng 2023 là: 97.992 triệu đồng giảm so với 6 tháng 2022 (123.975 triệu đồng) là: 20,96% tương ứng với 25.983 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 6 tháng 2023 là: 95.584,46 tấn xi măng các

- loại giảm so với 6 tháng 2022 (132.137,54 tấn) tương đương giảm 27,66 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 122.711 triệu đồng của 6 tháng 2022 xuống còn 95.512 triệu đồng 6 tháng 2023(giảm 22,17 % tương ứng giảm 27.199 triệu đồng. Năm 2023, giá một số loại nguyên vật liệu tuy không biến động nhiều so với năm 2022 nhưng do nhu cầu xi măng trên thị trường sụt giảm cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng 2023 tăng 1.287 triệu đồng.

Chi phí bán hàng của 6 tháng 2023 là: 992 triệu đồng giảm 292 triệu đồng so với 6 tháng 2022(1.284 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng 2023 (5.840 triệu đồng) giảm 1.019 triệu đồng so với 6 tháng 2022 (6.860 triệu đồng).

Do biến động của tỷ giá USD đối với các khoản nợ vay ngân hàng đầu tư bằng ngoại tệ (USD) làm cho chi phí tài chính 6 tháng 2023 tăng 111 triệu đồng so với 6 tháng 2022. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng 2023 tăng so với 6 tháng 2022 là: 2.487 triệu đồng.

+ Do trong tháng 2/2023 dừng lò, không có sản phẩm sản xuất , các chi phí cho dây chuyền sản xuất clinker phát sinh trong tháng hạch toán vào chi phí khác nên làm cho chi phí khác tăng 3.105 triệu đồng so với 6 tháng 2022. Lợi nhuận khác giảm 3.583 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng 2023 giảm 1.096 triệu đồng so với 6 tháng 2022.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm soát(B/c);
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Đạt